

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Bản án số:15a/2019/DS-ST

Ngày: 16/8/2019

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Thiệu;

2. Ông: Bùi Văn Ôn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa bà: Hoàng Thị Khánh Linh-Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ông Bùi Mạnh Tuấn-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 13/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1958

Nơi cư trú: xóm Mương, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: chị Quách Thị H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: xóm Mương, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Hà Tổ U, sinh năm 1995; Nơi cư trú: số 105 đường Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người làm chứng: anh Bùi Văn Q, sinh năm 1981

Nơi cư trú: xóm Mương, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt ngày 30/7/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 26/01/2017, chị Quách Thị H có đến nhà bà K vay số tiền là 741.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy vay tiền do Chị H viết và ký nhận. Do bà K sợ Chị H có mối quan hệ rộng và hiểu biết pháp luật sẽ không trả tiền cho mình nên bà K đã viết thêm nội dung vào “Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền)” mà trước đó bà K đã mượn của hiệu cầm đồ Hiếu Thu trước sự chứng kiến của anh Bùi Văn Q (là con trai của bà K), số tiền vay trong hợp đồng nêu trên cũng là 741.000.000 đồng và hạn đến ngày 25/02/2017 sẽ trả đầy đủ tiền cho bà K. Tại phần cuối của “Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền)” nêu trên Chị H có ghi “Tôi là Quách Thị H có nhờ bà K vay số tiền như trên” và ký nhận phía dưới. Khi vay tiền Chị H có để lại cho bà K 01 sổ hộ khẩu mang tên ông Quách Văn Chèn là bố của Chị H và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Quách Thị H để đảm bảo số tiền vay nêu trên. Tại thời điểm vay hai bên không thỏa thuận lãi suất vào trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng với nhau, theo đó lãi suất cho vay là 1%/tháng. Khi đến hạn trả nợ, bà K yêu cầu Chị H trả nợ nhưng Chị H khất lần, khất lượt không trả.

Ngày 31/3/2017, Chị H tiếp tục đến nhà bà K vay số tiền 20.000.000 đồng hạn đến ngày 06/4/2017 sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Khi vay bà K có viết một giấy vay tiền và Chị H ký nhận ở phía dưới. Trên giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau, theo đó lãi suất cho vay là 1%/tháng.

Mặc dù bà K đã nhiều lần yêu cầu Chị H thanh toán số tiền đã vay nhưng Chị H không trả nên bà K khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng cộng số tiền cho cả hai khoản vay là 966.070.000 đồng; trong đó nợ gốc là 761.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm lần một là 205.070.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2019 bà K xác định việc tính lãi suất 1%/tháng cho hợp đồng vay ngày 26/01/2017 được tính từ ngày 01/03/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm lần 1 (ngày 30/7/2019) tạm tính là 27 tháng tương đương với số tiền 200.070.000đ; việc tính lãi suất 1%/tháng cho hợp đồng vay ngày 31/3/2017 được tính từ ngày 01/5/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính là 25 tháng tương đương với số tiền 5.000.000đ.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử bà K thay đổi yêu cầu về tính lãi, theo đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi suất theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử là 9%/năm cho cả hai hợp đồng vay do chậm thực hiện nghĩa vụ. Cụ thể: đối với hợp đồng vay ngày 26/01/2017, thời điểm tính lãi từ ngày 01/03/2017 cho đến ngày 30/7/2019 là 27 tháng 29 ngày tương đương với số tiền 155.424.750đ; Đối với hợp đồng vay ngày 31/3/2017, thời điểm tính lãi từ ngày 01/5/2017 cho đến ngày 30/7/2019 tạm tính là 25 tháng 29 ngày tương đương với số tiền 3.895.000đ.

Tại phiên tòa, bà K yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi suất theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử là 9%/năm cho cả hai hợp đồng vay do chậm thực hiện nghĩa vụ. Cụ thể: Đối với hợp đồng vay ngày 26/01/2017, thời điểm tính lãi từ ngày 01/3/2017 cho đến ngày 16/8/2019 là 28 tháng 15 ngày tương đương với số tiền 158.388.750đ; Đối với hợp đồng vay ngày

31/3/2017, thời điểm tính lãi từ ngày 01/5/2017 cho đến ngày 16/8/2019 tạm tính là 26 tháng 15 ngày tương đương với số tiền 3.975.000đ

Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán là: 923.363.750đ. Trong đó tiền nợ gốc là 761.000.000đ, tiền lãi là 162.363.750đ.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: giấy vay tiền ngày 26/01/2017, giấy vay tiền ngày 31/3/2017, Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền) ngày 26/01/2017; Vi bằng số 0376.2019/VB-TPLHN ngày 23/05/2019 của Văn phòng Thừa phát lại Hà Nội; Đĩa DVD-R kèm theo; Thông báo về việc đăng ký vi bằng ngày 27/5/2019 của Sở Tư pháp Hà Nội; chứng minh thư nhân dân bản sao của chị Quách Thị H, Sổ hộ khẩu bản sao mang tên Quách Văn Chèn.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Quách Thị H và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị Quách Thị H thừa nhận có mối quan hệ quen biết với bà Bùi Thị K và đã rất nhiều lần vay tiền của bà K. Đối với yêu cầu trả nợ của hai hợp đồng vay nêu trên chị có quan điểm như sau:

Đối với khoản nợ theo hợp đồng vay ngày 31/3/2017, chị thừa nhận có vay của bà K 20.000.000đ và đồng ý với yêu cầu trả nợ gốc và lãi như yêu cầu của bà K đối với khoản nợ này. Đối với giấy vay tiền ngày 26/01/2017, về bản chất Chị H vay bà K 80.000.000đ nhưng Chị H có viết và ký nhận nhưng để trống số tiền trong giấy vay nợ cho bà K tự điền vào là vì sợ bà K nói với bố mẹ chị là chị chưa trả số tiền 80.000.000 đồng chị đã vay trước đó của Ngân hàng. Số tiền 80.000.000 đồng đó bố mẹ chị đã đưa cho Chị H trả nợ cho Ngân hàng nhưng Chị H đã cho bạn vay nên mới phải đi vay bà K vào tháng 4/2016 để trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền này Chị H đã trả đủ cho bà K nhưng do việc trả nợ không có giấy tờ nên chị chấp nhận còn nợ bà K 80.000.000đ.

Đối với khoản nợ theo Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền) ngày 26/01/2017, Chị H không thừa nhận mặc dù chị có viết và ký nhận vào giấy vay nợ và Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền). Số tiền 741.000.000đ là số tiền bà K tính lãi đối với khoản vay 80.000.000đ mà Chị H đã vay trước đó. Lãi suất mà bà K cho vay đối với khoản tiền 80.000.000đ được thay đổi liên tục: có thời điểm là 5000đ/một triệu/một ngày; có thời điểm là 10000đ/một triệu/một ngày; có thời điểm là 15000đ/một triệu/một ngày. Thời điểm mà Chị H viết và ký vào Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền) ngày 26/01/2017 là khoảng cuối tháng 5/2017 hoặc đầu tháng 06/2017 tại quán Bún Mẹt của chị đối diện Phòng tài chính huyện Lạc Sơn chứ không phải tại gia đình nhà bà K. Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền) ngày 26/01/2017 Chị H có được đọc, sau đó mới viết và ký nhận vào phần cuối hợp đồng nhưng chị không được cầm số tiền đó mà do bà K gây sức ép nên chị buộc phải ký vào hợp đồng đó.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giám định chữ viết đối với phần số “741.000.000” tại giấy vay nợ ngày 26/01/2017 vì phần chữ số này không phải do Chị H viết ra.

Tại kết luận giám định 262/C09-P5 ngày 13/12/2018 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Các chữ số “741.000.000” ở dòng viết thứ năm từ trên xuống trên mẫu cần giám định so với chữ viết của Bùi Thị K không phải do cùng một người viết ra; Không đủ cơ sở kết luận các chữ số “741.000.000” ở dòng viết thứ năm từ trên xuống trên mẫu cần giám định so với chữ viết của Quách Thị H có phải do cùng một người viết ra hay không; Tại vị trí các chữ số “741.000.000” ở dòng viết thứ năm từ trên xuống có dấu vết tẩy xóa, không xác định được nội dung nguyên thủy, các chữ số “741.000.000” là các chữ số được viết sau khi tẩy xóa.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: không.

Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn tại chính quyền nơi cư trú của bị đơn và những người có tên trong sổ hộ khẩu số 300062222, mang tên chủ hộ là ông Quách Văn Ch, do Trưởng Công an xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn cấp ngày 01/01/2011 có nội dung: Ông Quách Văn Chèn đã làm lại sổ hộ khẩu của gia đình mình vào ngày 23/2/2017. Sổ hộ khẩu cấp ngày 01/01/2011 không còn hiệu lực. Hơn nữa, nguyên đơn và bị đơn không có lời khai nào thể hiện ông Quách Văn Ch, bà Bùi Thị Nh, anh Quách Văn T là người bảo lãnh cho khoản vay 741.000.000đ hay có quyền lợi và nghĩa vụ đối với khoản vay này. Do đó, ông Quách Văn Ch và những người có tên trong sổ hộ khẩu không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn H là chủ cửa hàng cầm đồ H Th có địa chỉ tại xóm Ô Gà II, xã Đông Lai, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình để làm rõ có phải là người có quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án hay không. Tại bản tự khai và đơn từ chối tham gia tố tụng anh H trình bày: Vào tháng 01/2017, bà Bùi Thị K có đến cửa hàng cầm đồ của anh H để mượn một mẫu Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền). Do có mối quan hệ quen biết nên anh Hiếu đã cho bà K một mẫu hợp đồng nêu trên, sau đó bà K làm gì với giấy vay tiền đó thì anh Hiếu không biết. Nay anh Hiếu được biết bà K dùng mẫu hợp đồng của mình cho để làm giấy vay tiền với chị Quách Thị H. Đối với vụ việc này anh Hiếu có quan điểm: Việc vay nợ giữa bà K và bà Hon, anh H không biết, số tiền bà K cho Chị H vay không phải là tiền của anh H. Vì không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên anh Hiếu từ chối tham gia tố tụng đối với vụ án mà bà K và Chị H là đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là anh Bùi Văn Q trình bày: anh Q là con trai của bà Bùi Thị K, thời điểm Chị H vay tiền của bà K thì anh Q là em rể họ của Chị H. Khoảng tháng 01/2017, Chị H có đến nhà anh đề nghị bà K cho vay tiền là có thật. Tại “Hợp đồng cầm đồ (Giấy vay tiền)” anh Q có ký tên người làm chứng, có biết số tiền Chị H vay bà K trong nội dung hợp đồng cầm đồ

(Giấy vay tiền) là 741.000đ, có chứng kiến việc giao nhận tiền nhưng số tiền cụ thể giao nhận bao nhiêu anh không rõ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử yêu cầu Chị H và bà K làm rõ nội dung tiền lãi được nhắc tới trong file ghi âm, cụ thể hóa tại các dòng 21, 22, 23 từ trên xuống của trang thứ ba Vi bằng số 0376.2019/VB-TPLHN ngày 23/05/2019 của Văn phòng Thừa phát lại Hà Nội: “- Bà Hon: Cái số tiền 741.000.000VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi một triệu đồng) cháu chỉ chịu trách nhiệm trả 350.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng) cả gốc lẫn lãi thôi còn số còn lại coi như cháu xin”. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm tiền lãi mà chị nói đến trong nội dung nêu trên là tiền lãi của số tiền 80.000.000đ mà chị vay của bà K vào tháng 4/2016. Bà K khẳng định số tiền lãi mà Chị H nhắc đến trong nội dung file ghi âm là số tiền lãi 1%/tháng mà bà K và Chị H thỏa thuận miệng vào ngày 26/01/2017. Trên thực tế, bà K cho Chị H vay 741.000.000đ vào ngày 26/01/2017 nhưng Chị H chưa trả cho bà K cả gốc lẫn lãi. Do quá hạn mà Chị H không trả được nợ thì bà K chỉ xác định lấy lại số tiền gốc, không yêu cầu Chị H trả lãi nữa nên vào ngày bà K ghi âm, bà chỉ nhắc đến số tiền gốc, nếu không bà đã cộng cả lãi và yêu cầu Chị H trả nợ. Do đó, tại trong file ghi âm, cụ thể hóa tại các dòng 09, 10, 11 từ trên xuống của trang thứ tư Vi bằng số 0376.2019/VB-TPLHN ngày 23/05/2019 của Văn phòng Thừa phát lại Hà Nội bà K đã nói: “Từ ngày bá vay tôi tới giờ tôi chưa tính lãi với bá thì bá tự hiểu, kể cả ngân hàng bây giờ cho vay cũng phải tính lãi, nếu quá hạn họ còn phạt quá hạn 2% hoặc 2,5% gì đấy”. Nếu bà K tính lãi như Chị H trình bày thì tại buổi nói chuyện hôm đó Chị H đã phản ứng lại khi bà K nói nội dung trên.

Tại phần tranh luận người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Chị H mặc dù có ký nhận vay của bà K số tiền 741.000.000đ nhưng không có giấy biên nhận thể hiện Chị H đã được nhận số tiền đó nên Chị H không có nghĩa vụ phải trả số tiền nêu trên.

Không đồng ý với quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà K đưa ra lập luận: Trên thực tế, Chị H đã rất nhiều lần vay tiền bà K, nhưng không lần nào hai bên làm giấy biên nhận tiền. Ngay cả lần vay ngày 31/3/2017, Chị H vay bà K 20.000.000đ cũng không làm giấy biên nhận tiền nhưng lại thừa nhận mình có nhận tiền nên có nghĩa vụ trả nợ. Bà K không chấp nhận với quan điểm: khoản vay ít không có giấy biên nhận tiền thì đồng ý trả nợ, còn khoản vay nhiều không có giấy biên nhận tiền thì không phát sinh nghĩa vụ trả nợ.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95; Điều 147; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc chị Quách Thị H phải trả cho bà Bùi Thị K 923.363.750đ. Trong đó tiền nợ gốc là 761.000.000đ, tiền lãi là 162.363.750đ

2. Về án phí: chị Quách Thị H phải chịu 39.700.913 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Bùi Thị K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng là anh Bùi Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Bùi Văn Q.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 26/01/2017 và ngày 31/3/2017 giữa bà K và Chị H có lập giấy vay tiền, trong đó thỏa thuận thời hạn trả, có thỏa thuận miệng về lãi suất. Đến thời hạn trả nhưng Chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền gốc và tiền lãi như đã thỏa thuận cho bà K, bà K đã nhiều lần yêu cầu Chị H thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi nhưng Chị H không trả nên bà K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Chị H trả tiền gốc và tiền lãi. Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

[3]. Về tình tiết không phải chứng minh: Bản chính giấy vay tiền ngày 31/3/2017; Vi bằng số 0376.2019/VB-TPLHN ngày 23/05/2019 của Văn phòng Thừa phát lại Hà Nội, Đĩa DVD-R kèm theo; Thông báo về việc đăng ký vi bằng ngày 27/5/2019 của Sở Tư pháp Hà Nội, các đương sự đều thừa nhận là có thật nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4]. Về yêu cầu đòi số tiền gốc 761.000.000đ của nguyên đơn:

Về khoản nợ 741.000.000 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù Kết luận giám định 262/C09-P5 ngày 13/12/2018 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an đối với giấy vay tiền ngày 26/01/2017 kết luận các chữ số “741.000.000” ở dòng viết thứ năm từ trên xuống có dấu vết tẩy xóa, không xác định được nội dung nguyên thủy, các chữ số “741.000.000” là các chữ số được viết sau khi tẩy xóa; không đủ cơ sở kết luận các chữ số “741.000.000” ở dòng viết thứ năm từ trên xuống trên mẫu cần giám định so với chữ viết của Quách Thị H có phải do cùng một người viết ra hay không; Kết luận cũng khẳng định các chữ số “741.000.000” ở dòng viết thứ năm từ trên xuống trên mẫu cần giám định so với chữ viết của Bùi Thị K không phải do cùng một người viết ra; Người làm chứng trong vụ án này là anh Bùi Văn Q có lời khai phù hợp với phần trình bày của nguyên đơn nhưng do anh Q và bà K có mối quan hệ mẹ-con nên lời khai của người làm chứng là không khách quan.

Tuy nhiên, có cơ sở khẳng định việc chị Quách Thị H vay số tiền 741.000.000đ của bà Bùi Thị K là thực tế. Bởi lẽ:

Chị H cho biết, chị không được cầm số tiền 741.000.000đ mà do bà K gây sức ép nên chị buộc phải ký vào hợp đồng đó nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có thừa nhận có có được đọc, sau đó mới viết và ký nhận vào phần cuối hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền) ngày 26/01/2017. Việc Chị H trình bày mình bị ép buộc ký vào hợp đồng, giấy vay tiền ngày 26/01/2019 là không có cơ sở bởi: Chị H ký Hợp đồng cầm đồ (giấy vay tiền) vào khoảng tháng 5/2017 hoặc tháng 6/2017 tại quán Bún Mẹt vào thời điểm quán đang đông khách, quán Bún mẹt là quán của Chị H, Chị H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, 741.000.000đ là số tiền lớn Chị H biết và buộc phải biết được hậu quả của việc ký nhận số tiền nợ đó. Hơn nữa, tại phiên tòa Chị H khẳng định bà K gây sức ép với Chị H nhưng chỉ bằng lời nói, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc gây sức ép của bà K như quan điểm của Chị H chưa đến mức làm Chị H sợ hãi, tê liệt ý chí và buộc phải ký nhận và viết vào giấy vay nợ.

Theo lời khai của Chị H, Chị H không được nhận số tiền 741.000.000đ là không đúng vì nếu không nhận số tiền trên thì Chị H đã không giao cho bà K chứng minh thư nhân dân của chị và Sổ hộ khẩu gia đình bản gốc cho bà K giữ. Người đại diện theo ủy quyền cho rằng Chị H không được nhận số tiền 741.000.000đ nên không có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, trên thực tế cả hai lần vay mà hai bên xảy ra tranh chấp hai bên đều không làm giấy biên nhận tiền vì ngày 31/3/2017 Chị H vay bà K 20.000.000đ cũng không làm giấy biên nhận tiền nhưng lại thừa nhận mình có nhận tiền nên có nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà K giao nộp chứng cứ là Vi bằng số 0376.2019/VB-TPLHN ngày 23/05/2019 của Văn phòng Thừa phát lại Hà Nội; Đĩa DVD-R kèm theo; Thông báo về việc đăng ký vi bằng ngày 27/5/2019 của Sở Tư pháp Hà Nội. Thủ tục lập Vi bằng nêu trên đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 26 Nghị định 61/2009/NĐ-CP và điểm 9 Điều 2 Nghị định 135/2013/NĐ-CP. Căn

cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại; Điều 7 Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC- VKSNDTC- BTC ban hành ngày 28/02/2014, tài liệu nêu trên được coi là chứng cứ để Tòa án xem xét, giải quyết vụ án. Tại biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, Chị H thừa nhận chứng cứ là file ghi âm mà bà K đã tiến hành lập Vi bằng là giọng nói của chị, nội dung trao đổi trong file ghi âm là đúng sự thật, việc ghi âm diễn ra tại nhà Chị H, Chị H biết việc mình đang bị ghi âm nhưng trong toàn bộ cuộc ghi âm không có nội dung nào Chị H chối bỏ việc mình nợ và chưa nhận tiền từ bà K 741.000.000đ hay nói về việc mình bị ép buộc phải ký vào giấy vay nợ.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, tại phiên tòa Chị H lý giải số tiền 741.000.000đ mà Chị H buộc phải ký là số tiền lãi của 80.000.000đ mà Chị H vay của bà K vào tháng 4/2016; Lãi suất mà bà K cho vay đối với khoản tiền 80.000.000đ được thay đổi liên tục: có thời điểm là 5000đ/một triệu/một ngày; có thời điểm là 10000đ/một triệu/một ngày; có thời điểm là 15000đ/một triệu/một ngày nhưng Chị H không trình bày được cách tính lãi thế nào để trùng khớp với số tiền 741.000.000 mà Chị H nhận nợ với bà K vào tháng 6/2017. Hơn nữa, Chị H còn trình bày số tiền 80.000.000đ Chị H vay của bà K và đã trả đủ cho bà K nhưng do việc trả nợ không có giấy tờ nên Chị H chấp nhận còn nợ bà K 80.000.000đ. Bà K cũng thừa nhận Chị H có vay bà K 80.000.000đ trước đó nhưng đã trả đủ nên không yêu cầu gì đối với khoản nợ này. Vậy, khoản nợ 80.000.000đ Chị H đã trả đủ cho bà K thì bà K lấy căn cứ gì để tính lãi và Chị H có căn cứ gì để chịu lãi đối với số tiền này lên đến 741.000.000đ.

Do đó, yêu cầu của bà K về việc buộc Chị H phải trả số tiền gốc 741.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Về khoản nợ 20.000.000 đồng:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 31/3/2017 bản gốc, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có đủ cơ sở để xác định: Ngày 31/3/2017 bà Bùi Thị K cho chị Quách Thị H vay số tiền 20.000.000đ là có thật. Sau khi vay khoản tiền này, Chị H chưa trả số tiền gốc và lãi quá hạn. Nay bà K yêu cầu Chị H trả số tiền gốc 20.000.000đ Chị H đồng ý. Như vậy, yêu cầu của bà K về việc buộc Chị H phải trả số tiền gốc 20.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu đòi số tiền lãi:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm tương đương với 0,75%/tháng cho cả hai hợp đồng vay do chậm thực hiện nghĩa vụ. Cụ thể: Đối với hợp đồng vay ngày 26/01/2017, thời điểm tính lãi từ ngày 01/3/2017 cho đến ngày 16/8/2019 là 28 tháng 15 ngày tương đương với số tiền 158.388.750đ; Đối với hợp đồng vay ngày 31/3/2017, thời điểm tính lãi từ ngày

01/5/2017 cho đến ngày 16/8/2019 tạm tính là 26 tháng 15 ngày tương đương với số tiền 3.975.000đ. Tổng số lãi cho cả hai hợp đồng là: 162.363.750đ. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: chị Quách Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95; Điều 147; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị Quách Thị H.

Buộc chị Quách Thị H phải thanh toán cho bà Bùi Thị K tổng số tiền: 923.363.750đ. Trong đó tiền nợ gốc là 761.000.000đ, tiền lãi là 162.363.750đ.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Chị Quách Thị H phải nộp 39.700.913 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà Bùi Thị K 19.007.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004311 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lạc Sơn;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Văn Sơn;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Thị Thanh Hoa